TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V X** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ- ST
Ngày 17 - 7 - 2019
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ XUYÊN, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phùng Ngọc Tuấn.
2. Bà Trần Thị Vân.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện VX:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019. về việc " không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1123/2019/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H.
Địa chỉ: thôn Minh T, xã Việt V, huyện B Q, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).
Bị đơn: Anh Lâm Văn K.
Địa chỉ: thôn Tr, xã Tr Th, huyện VX, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12/5/2019 và bản khai tiếp theo Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lâm Văn K xây dựng gia đình có được tìm hiểu và được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương, sau đó vợ chồng về chung sống với nhau từ năm 1997, chúng tôi không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận H phúc được khoảng hơn 10 năm. Đến năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với lý do trong cuộc sống vợ chồng mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, anh Lâm không chịu tu chí làm ăn, không chăm lo đến gia đình, luôn tìm cớ để gây sự để chửi và đánh chị. Mâu thuẫn của vợ chồng chị sảy ra

đã được gia đình khuyên bảo góp ý nhưng không đạt kết quả, anh K vẫn chứng nào tật đấy không sửa đổi được tính nết đó. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cố duy trì tình cảnh như vậy gây ảnh hưởng cuộc sống sinh hoạt và sự ràng buộc lẫn nhau. Chị đề nghị xin được ly hôn anh K.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Lâm Văn G (sinh ngày 26/6/1999); cháu Lâm Thiếu N (sinh ngày 02/01/2005). Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, chị Yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 600.000đ/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Còn cháu G đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H không thay đổi ý kiến chị đề nghị được ly hôn anh Lâm Văn K. Về con chung khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi, chị Yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 600.000đ/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Còn cháu Gi đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Bị đơn Lâm Văn K khai tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/6/2019 anh K trình bày**:** Anh và chị Nguyễn Thị H trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn, mà chúng tôi về chung sống với nhau từ 1997. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận H phúc được khoảng hơn 10 năm. Đến năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do trong cuộc sống mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, dẫn đến vợ chồng luôn sảy ra xô xát. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn anh nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Lâm Văn G (sinh ngày 26/6/1999); cháu Lâm Thiếu N (sinh ngày 02/01/2005). Khi ly hôn anh K có nguyện vọng giao cháu Nam cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 600.000đ/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Còn cháu G đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: Vợ chồng không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa các tài liệu trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn với anh Lâm Văn K được Tòa án nhân dân huyện VX thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Thẩm phán đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hành hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lâm Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận H phúc được khoảng hơn 10 năm đầu, thời gian sau vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng đã được gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống của vợ chồng chị không cải thiện được, sự mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng không có khả năng khắc phục được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cố duy trì tình cảnh gia đình sẽ gây ảnh hưởng cuộc sống sinh hoạt nên hai bên đã thỏa thuận việc ly hôn để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lâm Văn K không tuân thủ theo quy định của pháp luật hôn nhân không đăng ký kết hôn mặc dù anh, chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 và khoản 1, 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Lâm Văn K là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai con chung:

Lâm Văn G (sinh ngày 26/6/1999); cháu Lâm Thiếu N (sinh ngày 02/01/2005). Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Thiếu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 600.000đ/tháng cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi. Còn cháu Giang đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, về phía anh K nhất trí với nguyện vọng của chị H, để chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nam, anh K sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Nam với số tiền là 600.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[2.3] Về Tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[2.5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Lâm Văn K là vợ chồng.

*** Về con chung:**

Về con chung: Giao cháu Lâm Thiếu N (sinh ngày 02/01/2005) cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lâm Văn K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 600.000đ*(sáu trăm nghìn đồng)*/tháng, cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, người nhận tiền cấp dưỡng thay cháu N là chị Nguyễn Thị H; Địa chỉ: thôn Minh T, xã Việt V, huyện B Q, tỉnh Hà Giang.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*** Án phí**: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai số 02255 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VX, tỉnh Hà Giang, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lâm Văn K phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

***Quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện VX;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện VX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỈ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
Trần Thị Vân **Phùng Ngọc Tuấn**	**Nguyễn Minh Phương**